

## BƯỚC ĐẦU NHẬN XÉT VỀ NGỮ ĐIỆU TIẾNG VIỆT DONG CÁC KIỂU CÂU PHÂN LOẠI THEO CẤU TẠO NGỮ PHÁP

Đỗ Tiến Thăng

*Khoa Văn học*

*Đại học KH Xã hội & Nhân văn - ĐHQG Hà Nội*

### ngữ điệu, yếu tố quan trọng của việc tạo câu

1.1. Một cách trực quan nhất, chúng ta có thể thấy rằng câu không phải là sự nối rời rạc các hình tiết với những phẩm chất âm thanh cố hữu. Thật khó mà tưởng tượng nổi nếu câu nói của chúng ta chỉ bao gồm các tiếng với một thanh điệu nh, một tốc độ hay một cường độ không đổi... Câu nói kiểu này chỉ có thể thấy g các hình thức “máy nói” như đồng hồ báo giờ bằng ngôn ngữ hoặc trong câu nột người nước ngoài mới học tiếng Việt. Khi dạy cho người nước ngoài một câu giản nh như “*Tôi là người Việt Nam*”, chúng tôi thấy rằng dù anh ta có phát âm ẩ đến đâu cũng không thể hiện được “chất Việt ngữ” trong đó. Trái lại, một bé Việt Nam, phát âm chưa “chuẩn”, thậm chí còn nói ngọng vẫn thể hiện được ó một cách rất Việt, rất dễ thấm nhận. Vậy cái gì làm nên các “chất giọng Việt ấ”? Đó chính là ngữ điệu (ND) và các yếu tố gắn gũi với nó. Không có ND, rõ các từ ngữ trở nên không có lý do tồn tại hay ít nhất thì ND cũng làm cho người ể tiếp nhận, để hiểu điều người nói muốn nói. Ngôn ngữ học châu Âu gọi chức này của ND là chức năng nhấn (*accentual function of intonation*) [9, tr. 313].

1.2. Do có vai trò quan trọng trong việc tạo lập câu mà ND từ lâu đã được xem một trong 3 tiêu chí nhận diện câu [3, 5, 6, 7, 8, 9...]. Trong giới Việt ngữ học, ng Trọng Phiến đặc biệt nhấn mạnh đến tiêu chí này: “Với tư cách là một đơn vị ao của hệ thống các đơn vị ngôn ngữ, câu là ngữ tuyến được hình thành một tron vẹn về ngữ pháp và ngữ nghĩa với một ngữ điệu theo các quy luật của ngữ nhất định...” [8, tr 19]. Hơn nữa, Hoàng Trọng Phiến khi nêu tính vị ngữ một điều kiện thiết yếu của câu, có đưa ra các phương tiện biểu hiện là: trật tự ối cảnh nói năng, các từ đặc biệt, các dấu hiệu phi ngôn ngữ... và “Trong các ụng tiện này, ngữ điệu có vai trò quan trọng. Chúng hình thành tính vị ngữ các ầu (Đ.T.T. nhấn mạnh): câu đầy đủ, câu không đầy đủ, câu đơn, câu ghép” [8, tr. 30].

Ngữ dụng học, trong khi tiếp cận ngôn ngữ bằng lý thuyết hành vi cũng đã ng bỏ qua sự kiện tương tự. Hành động “nói một điều gì đấy” được gọi là hành vi ời (*Locutionary act*). Trong hành vi tạo lời có ba phương diện khác nhau. Một g ba phương diện này là hành vi đưa giọng (*Phatic act*). Hành vi đưa giọng là cả mọi cách thức âm thanh để thực hiện một âm tố, một từ thuộc một lớp từ vựng ngữ pháp nào đó với những kiểu nhấn giọng, ngữ điệu xác định...” [5, tr 17].

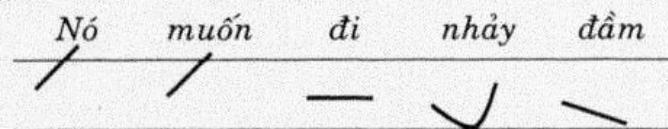
Như vậy, dưới góc quan sát nào thì ND cũng xuất hiện với một hức năng quan trọng là chức năng tạo lập câu. Trong bài này, chúng tôi cố gắng “bóc tách” ND từ các kiểu cấu tạo câu - điều mà có lẽ từ trước đến nay không gây được sự chú ý của nhiều người (*bởi sự lấn át của thanh điệu trong tiếng Việt*).

Từ trước đến nay, ở nước ta, khi đề cập đến ND, nhiều người thường chỉ quan tâm tới ND trong các câu chia theo mục đích phát ngôn. Tuy vậy, nó mới chỉ được nhắc đến một cách rất sơ sài trong những công trình có tính chất đại cương [7, 11] mà ở đó ND Việt ngữ thỉnh thoảng mới được đưa ra làm ví dụ. Các nhà ngữ pháp chú ý nhiều hơn đến vấn đề này và hầu hết đều thừa nhận và dẫn chứng vai trò không thể thiếu của ND trong khi phân loại câu theo mục đích phát ngôn [1, 8, 10]. Chỉ có một công trình duy nhất khảo sát ND loại hình câu tiếng Việt chỉ theo mục đích phát ngôn nhưng đó lại là sự khảo sát trên “siêu ngữ” [4].

1.3. Để cho công việc của mình được tiến hành thuận lợi và nhất quán, chúng tôi phải chọn lấy một giải thuyết ngữ pháp câu tiếng Việt. Chúng tôi lấy công trình “*Ngữ pháp tiếng Việt. Câu*” của Hoàng Trọng Phiến [8] làm căn cứ cho việc khảo sát. Do đó, trong bài này chúng tôi mặc nhiên thừa nhận các cấu trúc câu, các loại hình câu mà Hoàng Trọng Phiến đã xác lập mà không có bất cứ một sự thảo luận nào.

## II. Đặc điểm của ngữ điệu tiếng Việt

2.1. Nếu miêu tả ND Việt ngữ theo các tiêu chí như *lên, xuống, lên-xuống, xuống-lên...* như các ngôn ngữ Âu châu thì chắc chắn đi vào “ngõ cụt” vì như đã biết, đặc điểm của ND Việt ngữ không phải là các nét tuyến điệu (melody) như vậy. Bản thân các thanh điệu tiếng Việt đã bao gồm trong nó tiêu chí tuyến điệu nên bất cứ một câu nào cũng được phát ra có lên, có xuống. Ví dụ:



Thuật ngữ “ngữ điệu” trong bài này mượn từ quan niệm của Hoàng Cao Cương [3,4] và được định nghĩa là sự thể hiện của quá trình hòa kết trong cơ chế tạo sản âm thanh. “Đặc trưng quan trọng nhất của nó là sự phân bố năng lượng âm thanh có quy luật theo thời gian” [4]. Tuy nhiên, vấn đề là ở chỗ nếu không phải là sự phân bố tuyến điệu trên các dãy các âm tiết thì ngữ điệu nằm ở đâu? Bằng sự nghiên cứu thấu đáo cả về mặt lý thuyết lẫn thực nghiệm, Hoàng Cao Cương đã chỉ rõ: “... các đơn vị ngôn điệu ở bậc hình tiết phải được coi là những thuộc tính của nét khu biệt chiết đoạn ở bậc câu như là các thuộc tính khu biệt của âm vị trong quá hệ với kiến trúc hình tiết” [3]. Tức là, theo chỗ chúng tôi hiểu, *thanh điệu là đơn vị ngôn điệu của bậc hình tiết khi đi vào kiến trúc bậc câu lại trở thành thực tính của nét khu biệt chiết đoạn mới*. Vậy ND chính là sự phân bố năng lượng mới của thanh điệu. Ở bậc câu, các nét cố hữu của thanh điệu không được bảo toàn và trở thành ND. Theo lôgic này, không phải hình tiết nào trong câu cũng chứa thực tính của

Hình tiết nào mà các đặc trưng cố hữu của thanh điệu được bảo toàn thì không bị tham gia của nét ND. Trái lại, hình tiết nào có đặc trưng cố hữu của thanh điệu bị biến đổi, không được bảo toàn thì hình tiết đó chứa nét khu biệt của ND. Chỉ cái gọi là ND trong tiếng Việt mới có cơ hội hành chức. Chúng tôi cho rằng nếu trong âm vị học chiết đoạn có khái niệm “gánh nặng chức năng âm vị học” dành cho một chiết đoạn nào đó thì đến đây cần có khái niệm “*gánh nặng chức năng ngôn ngữ*” (Functional Yield of Prosody) dành cho hình tiết mang đặc trưng ngữ điệu. Hình tiết này, một mặt, phải mang các đặc trưng thanh điệu vốn có để cho nó không biến đổi ý nghĩa - điều mà các nhà ngữ pháp của ta có phần lo ngại (“Trong ngôn ngữ có thanh điệu, ngữ điệu bị hạn chế rất nhiều, nhất là việc lên giọng xuống giọng, bởi vì nếu không, ngữ điệu có thể làm cho từ biến đổi ý nghĩa” [7, tr 127]). Mặt khác nó lại còn phải mang các đặc trưng của nét khu biệt ngữ điệu để cho câu nói “ngữ điệu hóa”, tức các hình tiết được “hóa thân” thành câu; nếu không có nét khu biệt này thì các hình tiết chưa có chất keo gắn kết chúng lại với nhau mà vẫn rời rạc hay chí ít cũng là những câu, những phát ngôn không tự nhiên, không có tính Việt ngữ.

Như trên vừa trình bày, không phải tất cả các hình tiết trong câu Việt ngữ đều chứa đặc trưng ND. Bằng phương pháp thực nghiệm siêu ngữ, Hoàng Cao [41] đã thu được một số kết quả khá quan trọng về ND loại hình câu tiếng Việt. ND có 480 câu cụ thể mà tác giả khảo sát không phải nằm ở một từ nào khác mà chính ở từ thứ được cấy vào câu. Thao tác này rất quan trọng cho công việc của người nói ở chỗ không nên bước vào “khu rừng rậm” của các đường nét tuyến điệu của câu, mà cần phải tìm ra được các hình tiết có mang thuộc tính ngữ điệu. Nói vậy không có nghĩa là chúng tôi đánh đồng ND với trọng âm. Trọng âm là một vị ngôn điệu độc lập với ND và gắn liền với quá trình tạo điểm của phát ngôn. Có một âm tiết nào đó vừa mang trọng âm, vừa mang thuộc tính ND là việc làm toàn bình thường. Mặt khác, theo quan điểm truyền thống, trọng âm ở một vị nào đó có thể được coi là thành phần của ND [11, tr.194]. Trở lại vấn đề định hình tiết chứa gánh nặng chức năng ND, chúng tôi cho rằng trong tiếng Việt không có cái gọi là âm tiết chủ (tonic syllable) nằm trong một kết cấu mà Roach (1983) gọi là “tone - unit”, Halliday (1967) gọi là “tone-group”, O'Connor và Arnold (1973) gọi là “sense - group” [9, tr. 290]. Kết cấu đó chỉ tồn tại trong các ngôn ngữ hình, nơi mà, về cơ bản các âm tiết không có thuộc tính ngôn điệu cố hữu. Trong tiếng Việt, hình tiết mang ND là hình tiết làm cho các chiết đoạn rời rạc trở thành một câu trọn vẹn. Nói cách khác *hình tiết mang ND là hình tiết làm cho các chiết đoạn phi câu trở thành câu*.

Có hiểu như vậy về ND mới giải thích được sự hành chức của nó trong câu tạo. Chẳng hạn một từ, một ngữ sở dĩ có chức năng của một câu vì chúng có một ngữ

Một vấn đề nữa được đặt ra ở đây là: có phải trong một câu nào đó người ta có nhấn vào âm tiết này hay âm tiết khác? Đúng là có tình hình như vậy và phải xác định lúc đó cái gọi là ngữ điệu câu bị triệt tiêu? Câu trả lời của chúng tôi là: nếu người nói nhấn vào âm tiết nào đó tùy ý đồ giao tiếp thì ND đã vượt ra khỏi

phạm vi cấu tạo câu. Nó, khi đó, đã thuộc phạm vi của ngữ dụng học. Như vậy, cá mà ngữ âm học truyền thống gọi là “trọng âm logic” không thuộc đối tượng khảo sát của bài này. Chúng tôi chỉ quan tâm tới ND với trạng thái “tĩnh” nhất của nó, ND trong các loại hình câu xét về mặt cấu trúc.

2.2. Đến đây chúng tôi cụ thể hóa thêm một bước về đặc trưng NI của hình tiết chứa nó. Như đã biết, năng lượng âm thanh tạo nên ngôn điệu là một đại lượng vật lý được tri nhận theo 3 thông số là cao độ, cường độ và trường độ. Sự phân bố (hay biến đổi) năng lượng của từng thông số hay tổng hòa cả 3 thông số trong quá trình hòa kết sẽ làm nên đường nét của ND. Cụ thể hơn, khi ND hành cửc sẽ xảy ra hai loại biến đổi là biến đổi về chất lượng và biến đổi về số lượng. “Sự biến đổi về chất lượng là sự thay đổi các đặc trưng khu biệt của thanh điệu; làm cho không thể nhận diện được các thanh điệu cá thể nữa. Trên đồ thị, sự biến đổi này làm cho các đường nét và âm vực của thanh bị xáo trộn, dẫn tới xu hướng hòa nhập các thanh điệu cá thể vào một đường nét duy nhất. Còn sự biến đổi về số lượng thì không cần hệ đến sự nhận diện các thanh điệu cá thể. Trên đồ thị, sự biến đổi này làm cho các hệ thanh điệu ở một vị trí cùng bị nâng lên hay cùng bị hạ xuống...” [4] Bằng cơ sở đường thực nghiệm, Hoàng Cao Cương đã rút ra được một số các kết quả rất đáng tin cậy về các biến đổi đó như sau:

- Trong các nét khu biệt thanh điệu (bằng - trắc, cao - thấp, đồng chất - dị chất) thì biến đổi về bằng - trắc được thể hiện rõ nhất, đặc biệt là ở vị trí cuối câu và áp chót câu, trong đó thanh 4 là thanh bị biến đổi nhiều nhất. Thanh 4 có xu thế đập nhập với thanh 2. (theo logic này, bằng sự quan sát của chúng tôi thì thanh 1 cũng có xu thế đập nhập với thanh 2. Như vậy xu thế hòa nhập các thanh vào một xu thế duy nhất là có thể quan sát được thậm chí bằng thính giác). Hai nét khu biệt còn lại của thanh điệu về cơ bản là được bảo toàn ngay cả trong hình tiết mang ngữ điệu (mà theo phương pháp siêu ngữ đó là “từ thử”). Không còn nghi ngờ gì nữa, các biến đổi về chất của thanh điệu không liên quan gì đến việc phân loại câu (Trong sự quan tâm của chúng tôi ở đây, nó ít hoặc không có giá trị trong việc tạo nên thuộc tính ngữ điệu).

- Về mặt trường độ, cấu trúc thanh điệu có phần đầu và phần cuối. Phần đầu mang thông tin về ND, còn phần sau mang thông tin về cá thể thanh điệu. Sự biến đổi của trường độ thanh điệu làm cho các âm tiết cuối câu hoặc áp cuối câu thường dài hơn so với các âm tiết ở vị trí khác.

- Về mặt lượng, việc thể hiện các thanh điệu trong ngữ lưu là thông qua một ngưỡng phân biệt (*differential threshold*). Ngữ điệu và thanh điệu tác động đến nhau thông qua ngưỡng này. Dưới ngưỡng này, thanh điệu chỉ còn thuần túy là áp lực của ngữ điệu. Trên ngưỡng này, áp lực của ND lên thanh điệu rất mạnh mẽ và do đó biểu hiện của ngữ điệu là nghèo nàn. Ở đây quá trình làm nổi bật tính chất trọng âm, trội hơn quá trình hòa kết - tính chất của ngữ điệu. (Tuy nhiên, như chúng tôi vừa nói, trọng âm ở đây có thể được coi là một biểu hiện của ND hay ít ra đây là chỗ vừa có trọng âm, vừa có ND. Vậy, trường hợp quan hệ giữa thanh điệu và ND được thể hiện ở bên trên ngưỡng phân biệt vẫn được chúng tôi quan niệm là một biểu

trực tiếp của ND. Có như thế chúng ta mới giải thích được tại sao một từ được âm (trên ngưỡng sẽ trở thành một câu).

Tóm lại, dựa trên kết quả của Hoàng Cao Cương cộng với sự quan sát bổ sung chúng tôi, các nét khu biệt ND trong tiếng Việt được phân xuất như sau:

- 1) Đối lập trường độ: nét *dài / ngắn*.
- 2) Đối lập ngưỡng: nét *cao / thấp*.
- 3) (*Quãng ngừng ngữ điệu tính*: nơi không hiện hữu các chiết đoạn âm thanh. Ví dụ:

“Anh, em đi đây”

Đối với các hình tiết phi ngữ điệu tính thì không có các đối lập trên. Ở đó, các trường độ và ngưỡng luôn luôn là *cố hữu*. Ấn tượng thính giác đối với các tiết phi ngữ điệu tính là “giọng bình thường”; đối với các hình tiết ngữ điệu là “dài giọng / ngắn giọng, lên giọng / xuống giọng”. Lâu nay, người ta quen gọi điệu tiếng Việt theo ấn tượng thính giác này. Cách gọi này chưa chính xác và dễ gây hiểu lầm tai hại rằng ND tiếng Việt cũng giống như ND trong các ngôn ngữ thanh điệu.

2.3. Bằng tất cả những điều được trình bày ở trên, đến đây, chúng tôi đề xuất lược đồ (*diagram*) miêu tả ngữ điệu. Lược đồ này có thể rất xa lạ đối với nhiều người quen với cách biểu diễn ngữ điệu truyền thống:

- Hai đường kẻ song song biểu thị mức điệu bình thường của quá trình cấu âm (*pitch range* - vùng tần số, cách gọi của Hoàng Cao Cương). Đường trên biểu thị mức cao nhất, đường dưới biểu thị mức điệu thấp nhất.

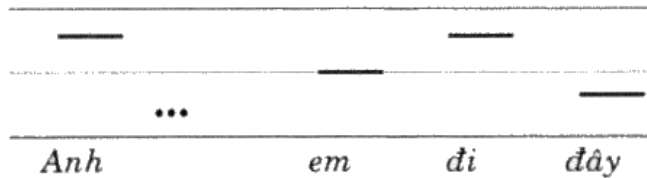
- Đường chấm chạy giữa hai đường kẻ trên biểu thị ngưỡng phân biệt. Các tiết phi ngữ điệu tính với năng lượng âm thanh cố hữu được bảo toàn sẽ được diễn trong đường này. Các hình tiết ngữ điệu tính với các năng lượng âm thanh lên xuống sẽ được biểu diễn ở bên trên (nếu vượt ngưỡng) hoặc bên dưới (nếu hạ xuống) đường này.

- Trường độ hình tiết được biểu diễn bằng các nét kẻ. Trường độ cố hữu được biểu thị bằng một nét có đơn vị chiều dài nhất định. Trường độ ngắn được biểu thị bằng nét kẻ ngắn hơn nét cố hữu. Trường độ dài được biểu thị bằng một nét kẻ dài hơn nét cố hữu. Lưu ý là tất cả các nét này đều được kẻ bằng chứ không lên xuống theo cách trình bày truyền thống. Nét kẻ bằng ở đây không có nghĩa là âm điệu bằng. Nó chỉ có ý nghĩa về trường độ. Một lần nữa, chúng tôi xin nhắc lại là các biến thể chất nếu có cũng không phải là điều cần yếu để khu biệt ND tiếng Việt. Trong nét kẻ này, để có thể hiểu thêm, mặc nhiên là đã có các thông tin về đường nét, về ngưỡng cố hữu của thanh điệu. Việc biểu diễn trên lược đồ các đường nét thanh điệu cũng có thể làm được nhưng làm như thế chúng ta sẽ bị lạc vào “mê cung” bởi vị trí âm tiết có tới 6 loại đường nét. Hơn nữa, hệ quả của cách làm này là mô hình ngữ điệu không có tính khái quát. Chẳng hạn các câu *tôi đi; tôi buồn; tôi nghĩ*.

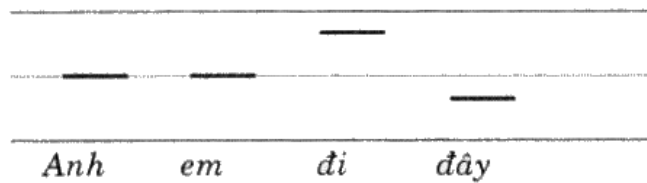
tôi nghĩ... sẽ có mô hình khác nhau. Với các câu này, theo cách trình bày của chúng tôi thì chỉ có một mô hình duy nhất.

- Quãng ngừng ngữ điệu tính được biểu thị bằng 3 dấu chấm đậm Lưu ý là khi văn tự hóa ND, theo truyền thống, chúng tôi không dùng đến các dấu câu vì ND (và cả trọng âm) là cái có trước. Các dấu câu chỉ là để cố định hóa, hình thức hóa ND mà thôi.

Ví dụ về cách miêu tả ngữ điệu bằng lược đồ của chúng tôi:



Trong ví dụ trên: Anh là một hình tiết ngữ điệu tính với nét cao; em là một hình tiết phi ngữ điệu tính; đi là một hình tiết ngữ điệu tính với nét cao; đây là một hình tiết ngữ điệu tính với nét thấp và; chỗ ngừng cũng là một biểu hiện của ND. Cũng câu trên, ND có thể được hành chức theo một lược đồ khác (tất nhiên là đem đến một ý nghĩa khác):



Ở lược đồ sau, tiêu chí trường độ và chỗ ngừng của ND bị triệt tiêu, chỉ còn lại tiêu chí về ngưỡng và chỉ có hai hình tiết ngữ điệu tính là *đi* (cao) và *đây* (hấp).

2.3. Dưới đây, chúng tôi sẽ lần lượt phân tích cấu trúc ngữ điệu tiếng Việt dựa theo những kiểu câu mà Hoàng Trọng Phiến [8] đã xác lập. Trước khi đi vào cụ thể chúng tôi xin trình bày trước một điều là các ví dụ câu mà chúng tôi đưa ra chủ yếu bao gồm trong nó các từ đơn. Lý do của việc này là, như chúng ta đã biết, tiếng Việt là một ngôn ngữ đơn lập, từ đơn là đơn vị từ điển hình, là cái có trước, còn từ đa tiết là cái có sau [2, tr.43]. Quả thật trong từ đa tiết vẫn còn một sự phân bố ràng lượng âm thanh của quá trình “làm nổi”, tạo ra một đơn vị ngôn điệu mới là trọng âm. “(...) trong ngữ điệu bình thường, một tiếng có trọng âm dài hơn một tiếng không có trọng âm (khinh âm), từ 1,5 lần đến 4 lần, mạnh hơn từ ba đến năm lần và có nốt đường nét thanh điệu trọn vẹn hơn hẳn...” [6, tr.137]. Nhưng nó sẽ không được chú ý tới trong các phân tích ngữ điệu. Việc biểu diễn ND trong đó có cả các trọng âm không phải là không làm được. Chỉ có điều làm như vậy bức tranh ND trở nên quá phức tạp, gây khó khăn cho việc theo dõi. Trong sự miêu tả về ND của chúng tôi, các thuộc tính của trọng âm (cũng như các thuộc tính cố hữu của thanh điệu) bị gạt sang một bên. Làm như vậy, có lẽ hình ảnh thực của ND mới rõ nét. Không phải vô cớ mà Hoàng Cao Cương, trong khi đi tìm các giá trị thực của ngôn điệu Việt ngữ,

định có 2 chỉnh thể kiến trúc ngữ âm là hình tiết và trên hình tiết. Chính trên hình tiết còn được tác giả nhấn mạnh là *kiến trúc câu* [3].

## Ngữ điệu trong các kiểu câu phân loại theo cấu tạo

### 3.1. Ngữ điệu trong câu đơn hai thành phần C - V

Câu đơn được chia thành hai nhóm lớn là câu hai thành phần và câu một thành phần. Với câu một thành phần, hầu như đều cần đến một yếu tố như tình nghi vấn, phủ định... Trong lúc đó, ở bài này, chúng tôi chưa có ý định trình bày về ND tình thái hay mục đích. Do vậy ND trong câu đơn một thành phần sẽ nói đến trong một dịp khác.

Cấu tạo của ND trong câu đơn hai thành phần tiếng Việt là áp lực lên thanh ở âm tiết ngữ điệu tính, được hiện thực hóa bằng một nét cao hay thấp. Khi âm tiết vị ngữ tính thì quãng ngừng là ND của câu.. Ngoài một vùng ND như trong câu đơn không còn một vùng thứ hai, do đó ngữ điệu câu bao giờ cũng là ngữ điệu trọn vẹn. Khi tính trọn vẹn này bị vi phạm, cấu tạo câu sẽ bị xác lập hằng hạn:

- Hai người một giường.

(Nét ND là một quãng ngừng sau *người*, trước *một* - ND trọn vẹn)

- Hai người một giường...

(Mất quãng ngừng câu trở thành câu lửng - ND chưa trọn vẹn)

- Hai người một giường thì ảm

(Mất quãng ngừng, ND được cấu tạo lại - ND câu ghép, ND chuyển)

Đã có rất nhiều nhà ngữ pháp dùng dấu câu để biểu thị điều này. Chẳng Nguyễn Kim Thân [10], Diệp Quang Ban [1]... đã đưa ra các ví dụ như: *Tôi lữ trẻ đang đi* ≠ *Tôi nhìn: lữ trẻ đang đi*; *Nó bắn con chim bay* ≠ *Nó bắn, con bay*.

ND trong các kiểu câu đơn hai thành phần được tóm tắt trong Bảng 1 cuối chúng ta thấy, theo các tiêu chí ngữ nghĩa - ngữ pháp, ít nhất câu đơn được làm 9 kiểu nhưng tổ chức ND thì ít hơn nhiều. Chỉ có 3 kiểu ND hoạt động trên câu. Cụ thể là:

i- ND *thấp* - dưới ngưỡng phân biệt hoạt động trong các kiểu câu mà tính vị lược nhận diện bằng hệ từ hoặc yếu tố có cương vị tương tự như hệ từ. Trong kiểu câu 1, 2, 3 và 9 có một dạng mang ND này.

ii- ND là một *quãng ngừng quan yếu* (relevant pause) hoạt động trong các kiểu trong đó tính vị ngữ không được nhận diện bằng một chiết đoạn âm thanh. Trong các kiểu câu 1, 2, 3, và 9 có một dạng mang ND này. Nếu cũng thừa nhận ngữ ngừng thuộc ND dưới ngưỡng phân biệt thì ND thấp có khả năng hoạt động ở 4 kiểu câu 1, 2, 3 và 9.

iii- *NĐ cao* - trên ngưỡng phân biệt là kiểu *NĐ* hoạt động trong cả kiểu câu mà tính vị ngữ được nhận diện bằng các loại động từ. Đó là các kiểu câu 4, 5, 7 và 8.

### 3.2. *Ngữ điệu trong câu ghép*

Thông thường, sự phân biệt câu đơn và câu ghép là: câu đơn có một kết cấu chủ - vị, còn câu ghép có từ hai kết cấu này trở lên theo những quan hệ ngữ pháp nào đó. Có thể nói, như vậy, câu ghép chỉ là một tập hợp các câu đơn bằng những quan hệ nhất định. Quan niệm này không sai nhưng chưa đầy đủ, chưa đi lên được bản chất, chất lượng ngữ pháp của câu ghép. Khi đi vào câu ghép, câu đơn không thể giữ trọn vai trò chức năng của mình được. Nó chỉ còn là một bộ phận của câu ghép và bị chi phối bởi các quan hệ bên trong câu ghép. Vậy, "bộ phận cấu thành câu ghép chỉ có thể tương đương hoặc gần giống như một câu đơn nhưng không hoàn toàn thống nhất với câu đơn" ([Hoàng Trọng Phiến, [8, tr 205]). Theo logic đó, *NĐ* - một trong ba tiêu chí nhận diện câu, cũng sẽ hành chức theo một cách thức khác trong câu ghép chứ không phải là tổng số *NĐ* của các câu đơn. ở trên, chúng ta thấy nổi lên một vấn đề là nét đánh dấu *NĐ* câu đơn luôn luôn "chồng" lên trung tâm vị ngữ tính. Trong câu ghép, dấu hiệu ngữ điệu đó chỉ có thể tương đương hoặc gần giống trong câu đơn nhưng không hoàn toàn đồng nhất. Đi vào câu ghép, *NĐ* của câu đơn không được bảo toàn trọn vẹn vì nó đã trở thành bộ phận của một kết cấu *NĐ* lớn hơn. Nó còn bị chi phối bởi những sự phân bố năng lượng mới. Quan sát ví dụ:

(1) - *Nếu anh về thì tôi đến.*

chúng tôi thấy nó không bao giờ được phát âm bằng *NĐ* cao - cao vốn có của hai câu đơn. Việc nhấn mạnh vào hai động từ về và đến không làm lên đặc điểm của *NĐ*. Đặc điểm của *NĐ* của cấu tạo câu ghép phải là những nét nối kết các bộ phận của câu, làm cho nó khu biệt với câu đơn chứ không đơn giản là đưa những *NĐ* trọn vẹn của câu đơn vào đó. Nếu các *NĐ* trọn vẹn được thực hiện trong lời nói thì khi ấy ta có một tập hợp các câu đơn chứ không phải câu ghép:

(2) - *Anh về. Tôi đến. (Chúng ta sẽ nói chuyện đó).*

Rõ ràng thông tin của *Nếu anh về thì tôi đến* khác hẳn với thông tin của *Anh về. Tôi đến*. Một người không có kiến thức ngôn ngữ học cũng sẽ trả lời được ngay rằng sự khác nhau giữa (1) và (2) là do một đằng thì có các từ nối một đằng không. Nhưng đó là câu chuyện của ngữ pháp. Có những trường hợp việc nhận diện có tính chất ngữ pháp tương tự như thế trở nên bất lực:

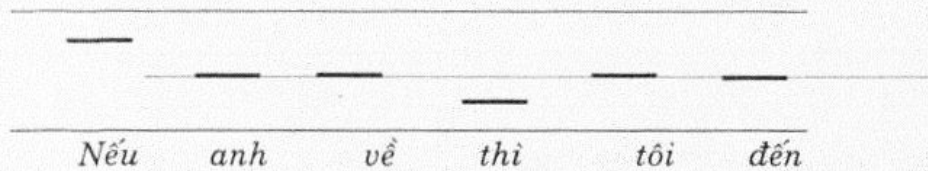
(3) - *Nó không đến được (;) trời mưa to.*

(4) - *Nó không đến được trời mưa. (Ví dụ của Hoàng Trọng Phiến)*

(3) và (4) rất khác nhau. Nhờ có sự hành chức của một "nét ngữ điệu nào đó" mà (3) là câu ghép (*Nó không đến được vì trời mưa to*). Trong khi đó, nhờ một ngữ điệu trọn vẹn mà (4) là câu đơn (*Nó không đến được trời mưa thì trời nắng nó đến*). Không còn nghi ngờ gì nữa, "... Ngữ điệu câu tiếng Việt phản ánh các bình diện cấu trúc câu gắn liền với việc phân chia câu. Và cũng ở đây ngữ điệu khu biệt tính vị ngữ của câu và cho được khả năng nhận diện các cấu trúc câu..." (Hoàng Trọng Phiến, [8, tr 33]).



Theo sự quan sát của chúng tôi, nếu vùng ND của câu đơn rơi vào một âm tiết ữ tính, tạo ra một nét trọn vẹn, thì vùng ND của câu ghép lại rơi vào hơn một âm tiết ngữ điệu tính (thường là hai âm tiết), tạo nên một nét *chuyển - không trọn*. Nét không trọn vẹn này được giải thích là: hai âm tiết ngữ điệu tính phải có sự đối xứng khu biệt (ND). Nét khu biệt này đã được xác định ở phần trước: *hấp - - trên ngưỡng/dưới ngưỡng; ngừng/không ngừng; dài/ngắn*. Ví dụ:



Ở ví dụ vừa nêu, sự không trọn vẹn của ngữ điệu được chuyển từ một nét cao sang nét thấp. Chúng ta thấy rằng ND của hai câu đơn trong đó đã bị thay đổi toàn bộ. Sự phân bố năng lượng của *về* và *đến* có trong câu đơn để làm lên ND của nó trở thành sự phân bố của quá trình làm nổi, của trọng âm trong câu ghép. "Keo dính" của hai vế câu là các từ nối ngữ pháp *nếu*, *thì* cùng với sự phân bố của nó làm cho câu có ý nghĩa điều kiện chứ không phải là ý nghĩa miêu tả. Qua đây chúng tôi càng thấy rằng ND và trọng âm là hai thứ hết sức khác nhau nên chúng phải lúc nào ND cũng gây áp lực lên trọng âm. Không phải ngẫu nhiên mà Trọng Phiến đã phát biểu: "Việc sử dụng từ nối lại còn liên quan cả đến ngữ pháp âm. Khi không có từ nối, phát âm liền nhau hay cách nhau cũng là một ngữ điệu liên hệ ý nghĩa. Khi có từ nối thì khoảng cách phát âm cũng tự do hơn" [212]).

Cấu tạo ND trong câu ghép được thể hiện trong Bảng 2. Nhìn vào bảng chúng ta thấy rằng 24 mô hình ngữ pháp tiêu biểu của các kiểu câu ghép đều có cấu trúc ngữ điệu không trọn vẹn. Ở âm tiết ngữ điệu tính thứ nhất, áp lực ND thường là ngưỡng phân biệt. Ở âm tiết ngữ điệu tính thứ hai, áp lực ND thường là dưới ngưỡng phân biệt (kể cả quãng ngừng). Nếu lấy kết từ như một tiêu chuẩn phân loại thì ta có kết quả sau:

- i- Kiểu câu có đủ cặp kết từ: ND *cao - thấp* phân bố ở kết từ của cả hai vế
- ii- Kiểu câu có một kết từ ở vế đầu: ND *cao - quãng ngừng* phân bố ở âm tiết 1 của vế đầu và ranh giới hai vế.
- iii- Kiểu câu có một kết từ ở vế sau: ND *cao - thấp* phân bố ở âm tiết vị ngữ của vế đầu và ở kết từ của vế sau.
- iv- Kiểu câu không có kết từ: ND như kiểu ii.

Về thính giác, ấn tượng của một nét ND cao là sự đi lên, của một nét ND thấp quãng ngừng là sự đi xuống. Do đó, có thể khái quát hóa ND câu ghép như sau: *tiêu là một yếu tố quan trọng trong việc tạo lập câu ghép. Nó có chức năng khu biệt câu ghép với câu lửng hay câu đơn. Cấu tạo chung của ngữ điệu câu ghép là lên ở đầu câu và xuống giọng ở giữa câu.*

Trong các kiểu câu phân loại theo cấu tạo, ND hoạt động chưa nổi bật đến mức một người bình thường có thể tri nhận được một cách dễ dàng. Hy vọng rằng trong tương lai, chúng tôi sẽ có dịp trình bày phân quan trọng nhất của vấn đề mà ở đó ND chắc chắn sẽ nổi lên như một đối tượng *đặc khả tri*.

**Bảng 1: Ngữ điệu trong câu đơn hai thành phần**

STT	Kiểu câu đơn		Kiểu ngữ điệu	Ví dụ
1	Câu có danh từ làm vị ngữ (1)	Có hệ từ	Thấp - dưới ngưỡng	Tôi      tò là
		Không có hệ từ	Quãng ngừng	Tôi      ngưi Bắc ..... .....
2	Câu có tính từ làm vị ngữ	Có hệ từ	Thấp - dưới ngưỡng	Tôi      kén cỏi thì
		Không có hệ từ	Quãng ngừng	Tôi      kén cỏi ..... .....
3	Câu có danh từ làm vị ngữ (2)	Dạng điển hình	Quãng ngừng	Dao này      ai lưỡi ..... Cô ấy      d trắng .....
		Dạng biến thể	Thấp - dưới ngưỡng	Dao này      hi lưỡi có
4	Câu có động từ nội động làm vị ngữ		Cao - trên ngưỡng	gáy Gà
5	Câu có động từ ngoại động làm vị ngữ	Có bổ chữ C-V-B	Cao - trên ngưỡng	viết Tôi      hi
		Có động từ sai khiến	Cao - trên ngưỡng	khuyên Tôi      ó đi
		Có động từ hứa hẹn	Cao - trên ngưỡng	hứa Tôi      gáp
6	Câu bị động		Cao - trên ngưỡng	bị Tôi      diễn hai
7	Câu nguyên nhân		Cao - trên ngưỡng	tại Việc đó      anh
8	Câu tồn tại		Cao - trên ngưỡng	có Nhà      khách
9	Câu có vị ngữ là tổ hợp từ cố định		Quãng ngừng	Lương tôi      b cọc ba ..... đồng

**Bảng 2: Ngữ điệu trong câu ghép**

Câu ghép		Cấu trúc ngữ điệu
Câu ghép: Một kết từ về sau: Lúc tôi về thì nó đến		(1) Cao (vị ngữ) - Thấp (kết từ)
Cấu trúc nguyên nhân - kết quả	Nguyên nhân - kết quả	Cặp kt: Vì anh đi nên nó khóc (2) Cao (kết từ) - Thấp (kết từ)
		Một kt đầu: Vì anh đi, nó khóc (3) Cao (kết từ) - Quãng ngừng
	Kết quả - nguyên nhân	Một ktsau: Anh đi nên nó khóc (4) Cao (vị ngữ) - Thấp (kết từ)
		Cặp kt: Sở dĩ nó khóc vì anh đi (5) Cao (kết từ) - Thấp (kết từ)
Câu ghép điều kiện	Điều kiện - kết quả	Một kt sau: Nó khóc vì anh đi (6) Cao (vị ngữ) - Thấp (kết từ)
		Cặp kt: Nếu trời mưa thì tôi nghỉ (7) Cao (kết từ) - Thấp (kết từ)
		Một ktdầu: Nếu trời mưa, tôi nghỉ (8) Cao (kết từ) - Quãng ngừng
		Một kt sau: Trời mưa thì tôi nghỉ (9) Cao (vị ngữ) - Thấp (kết từ)
	Không kt: Mưa, tôi nghỉ (10) Cao (vị ngữ) - Quãng ngừng	
Kết quả - điều kiện: Tôi nghỉ nếu trời mưa (11) Cao (vị ngữ) - Thấp (kết từ)		
Cấu trúc N. Bộ - Tăng Tiếm	Đủ cặp kt: Tuy trời còn mưa nhưng nó cứ đi (12) Cao (kết từ) - Thấp (kết từ)	
	Một kt trước: Trời tuy còn mưa, nó cứ đi (13) Cao (kết từ) - Quãng ngừng	
	Một kết từ về sau: Trời mưa nhưng nó cứ đi (14) Cao (vị ngữ) - Thấp (kết từ)	
	Không kết từ: Trời mưa, nó vẫn đi (15) Cao (vị ngữ) - Quãng ngừng	
Cấu trúc M. Đích	Một kt về đầu: Để có tiền, nó làm quên ăn (16) Cao (kết từ) - Quãng ngừng	
	Một kết từ về sau: Nó làm quên ăn để có tiền (17) Cao (vị ngữ) - Thấp (kết từ)	
Cấu trúc S. Sánh	Một kết từ về sau: Nó nói như thánh phán (18) Cao (vị ngữ) - Thấp (kết từ)	
	Không kết từ: Điều này khác tôi nghĩ (19) Cao (vị ngữ) - Quãng ngừng	
L. Chọn	Đủ cặp kết từ: Hoặc anh đi hoặc tôi đi (20) Cao (kết từ) - Thấp (kết từ)	
Câu	Đủ cặp kết từ: Tôi càng nghĩ càng rối (21) Cao (kết từ) - Thấp (kết từ)	
Liên	Một kết từ về sau: Thấy đọc và tôi chép (22) Cao (vị ngữ) - Thấp (kết từ)	
Hợp	Không kết từ: Trời quang, mây tạnh (23) Cao (vị ngữ) - Quãng ngừng	
T. Phiếm	Một kết từ về sau: Nó khóc nhưng họ cười (24) Cao (vị ngữ) - Thấp (kết từ)	

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

Diệp Quang Ban. *Ngữ pháp tiếng Việt*, T. 1,2, Tái bản lần thứ 2. NXB Giáo dục, Hà Nội, 1998.

Nguyễn Tài Căn. *Ngữ pháp tiếng Việt*, In lần thứ 3. NXB ĐHQG Hà Nội, H., 1996.

Hoàng Cao Cương. Về khái niệm ngôn điệu, *Tạp chí Ngôn ngữ*, số 2(1984).

Hoàng Cao Cương. Bước đầu nhận xét về đặc điểm ngữ điệu tiếng Việt (trên cứ liệu thực nghiệm), *Tạp chí Ngôn ngữ*, số 3(1985).

Nguyễn Đức Dân. *Ngữ dụng học*, Tập 1. NXB Giáo dục, Hà Nội, 1998.

- [6] Cao Xuân Hạo. *Tiếng Việt, mấy vấn đề ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1998.
- [7] *Khái luận ngôn ngữ học, Tổ ngôn ngữ*, trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1960.
- [8] Hoàng Trọng Phiến. *Ngữ pháp tiếng Việt. Câu*. NXB Đại học & Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1980.
- [9] Roach Peter. *English Phonetics and Phonology*, song ngữ. NXB Trẻ, 1998.
- [10] Nguyễn Kim Thân. *Nghiên cứu ngữ pháp tiếng Việt*, In lần thứ 2 NXB Giáo dục, Hà Nội, 1997.
- [11] Đoàn Thiện Thuật..., *Dẫn luận ngôn ngữ học*. NXB Giáo dục, Hà Nội, 1994.

VNU. JOURNAL OF SCIENCE, SOC., SCI., LXVI, N°1, 2000

## PRELIMINARY REMARKS ON VIETNAMESE INTONATIONS (IN STRUCTURE OF SENTENCES)

**Do Tien Thang**

*Faculty of Literature*

*College of Social Sciences & Humanities - VNU*

The accentual function of intonation of Indian - European languages expressed by tonic syllable of "tone-unit" (Roach P. 1998) or "tone-group" (Halliday 1967), or "tone-group" (O'Connor & Arnold 1973) [see 9, p. 313]. Forms of intonation in these languages are fall, rise, fall-rise, rise-fall... These forms are not repeated in Vietnamese, a tone-language. In Vietnamese, form of intonation is change of tone-pitch through differential threshold. The intonational syllable will be changed pitch, melody of tone through differential threshold. There are 3 forms of intonation in simple sentence: high (over threshold), low (under threshold) and pause. Words become sentence when they have one of three those features. There are 2 forms of intonation in compound sentence: high-low, high-pause. Two of these features differentiate simple sentence and compound sentence.

## MỤC LỤC

Phạm Quỳnh Anh. Những tác động của các chính sách Nhà nước đối với sự phát triển của các doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam . . . . .	1
Nguyễn Thị Bích Hà. Mấy ý kiến về việc chuẩn hóa thuật ngữ thương mại tiếng việt. . . . .	8
Lê Ngọc Hùng. Xã hội học quản lý - Khoa học quản lý: bước đầu tìm hiểu Một số vấn đề lý luận và thực tiễn. . . . .	17
Trần Hạnh Mai. Hoài Thanh và một phong cách phê bình văn học. . .	26
Trần Thảo Nguyên. Triết học kinh tế trong một số lý thuyết kinh tế ở Mỹ. . . . .	31
Đỗ Tiến Thắng. Bước đầu nhận xét về Ngữ điệu tiếng việt trong các kiểu câu Phân loại theo cấu tạo ngữ pháp. . . . .	37

## CONTENTS

1. **Pham Quynh Anh.** The impact of government policies on the development of small and medium -sized enterprises (SMEs) in VietNam. .... 1
2. **Nguyen Thi Bich Ha.** Suggestions for Vietnamese commercial terms standardization. .... 8
3. **Le Ngoc Hung.** Managerial science and the sociology of management: some theoretical and practical issues. .... 17
4. **Tran Hanh Mai . Hoai Thanh - a literary criticism style** ..... 26
5. **Tran Thao Nguyen.** Philosophy of economics and some economic theory in The United states of America. .... 31
6. **Do Tien Thang .** Preliminary remarks on Vietnamese intonations (in structure of sentences). .... 37